TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2024/HS-PT
Ngày: 13-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Quế
Các Thẩm phán: Ông Trịnh Xuân Miễn
Ông Huỳnh Văn Út

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Hải Sơn, là Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thanh Mộng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 39/2024/TLPT-HS ngày 09 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo Lê Thị V và các bị cáo khác do có kháng cáo của tất cả các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2024/HS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Lê Thị V, sinh năm 1980 tại Kiên Giang; nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm vuông; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn G và bà Nguyễn Thị X; chồng tên là Nguyễn Văn T và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Có 03 tiền sự đã được xóa (1. Ngày 27/01/2012 bị Trưởng Công an huyện T ra Quyết định số 112 xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc; 2. Ngày 12/8/2021 bị Chủ tịch Ủy ban nhân huyện T ra Quyết định số 4006/QĐ-XPVPHC xử phạt hành chính 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép, đã nộp phạt xong; 3. Ngày 12/8/2021 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ra Quyết định số 3999/QĐ-XPVPHC xử phạt hành chính 15.000.000 đồng về hành vi không thực hiện quyết định áp dụng biện pháp hạn chế tập trung đông người, đã nộp phạt). Bị cáo tại ngoại có mặt;

2. Ngô Minh T1, sinh năm 1997 tại Kiên Giang; nơi cư trú: Ấp H, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm vuông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Thanh T2 và bà Lê Thị Mỹ T3; vợ tên Chung Thị M và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Có 02 tiền sự. Bị cáo tại ngoại có mặt;

3. Trần Thị P, sinh năm 1980 tại Cà Mau; nơi cư trú: Ấp M, xã A, huyện U, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm vuông; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Minh T4 và bà

Ngô Cẩm B; chồng tên là Võ Thành Đ và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại có mặt;

4. Trần Thị C (tên đệm khác là Ngọc C1), sinh năm 1983 tại Cà Mau; nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N và bà Huỳnh Thị D; chồng tên là Phạm Minh T5 và có 01 con; tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 71/HS-ST ngày 01/11/2010 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xử phạt 08 tháng 06 ngày tù về tội "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 250 của Bộ luật Hình sự năm 1999, trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa, nộp án phí hình sự sơ thẩm vào ngày 04/01/2024; tiền sự: Không; nhân thân: Có 03 tiền sự đã được xóa (1. Ngày 15/7/2016 bị Chủ tịch UBND huyện T ra quyết định số 236/QĐ-XPVPHC xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép, đã nộp phạt; 2. Ngày 04/01/2017 bị Trưởng Công an huyện T ra Quyết định số 14/QĐ-XPHC xử phạt 02 triệu đồng về hành vi đánh bạc trái phép, đã nộp phạt; 3. Ngày 29/12/2018 bị Trưởng Công an huyện T ra Quyết định số 926/QĐ-XPVPHC xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép, đã nộp phạt). Bị cáo tại ngoại có mặt;

5. Nguyễn Thị N1, sinh năm 1962 tại Cà Mau; nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm vuông; trình độ học vấn: 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Í (đã chết) và bà Trần Thị T6 (đã chết); chồng tên Trần Văn P1 và có 06 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại có mặt;

6. Nguyễn Thị Cẩm X1, sinh năm 1988 tại Cà Mau; nơi cư trú: Ấp M, xã A, huyện U, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T7 và bà Trương Thị H; chồng tên Quách Văn B1 và có 02 con; tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2018/HSST ngày 04/5/2018 bị Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xử phạt 10 triệu đồng về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999, bị cáo đã nộp phạt xong lần cuối cùng vào ngày 11/01/2021; tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại có mặt.

7. Trần Văn G1 (tên gọi khác là D1), sinh năm 1976 tại Cà Mau; nơi cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Â và bà Lê Thị T8; vợ tên Bùi Yến N2 (đã ly hôn) và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (không được Tòa án triệu tập): Nguyễn Văn T9, Trần Thị Ánh N3, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị N4, Trần Thị Kim T10, Nguyễn Công D2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 14 giờ 50 phút ngày 10/02/2023, Phòng C2 Công an tỉnh C bắt quả tang tại nhà Lê Thị V thuộc ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau, có 01 sòng bạc đang

đánh bài thắng thua bằng tiền, tiến hành lập biên bản đối với 17 đối tượng, gồm: Lê Thị V, Trần Thị P, Trần Thị C, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị Cẩm X1, Trần Văn G1, Nguyễn Công D2, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị N4, Trần Thị Kim T10, Nguyễn Văn T9, Trần Thị Ánh N3, Phan Thị T11, Phan Thị D3, Đặng Mỹ X2, Nguyễn Thị N5, Đỗ Thị N6, còn một số đối tượng khác đã chạy thoát.

Vật chứng thu giữ, gồm: 16 điện thoại đi động, 110 lá bài (loại bài tây 52 lá) đã qua sử dụng, 12 bộ bài (loại bài tây 52 lá) chưa qua sử dụng, 01 chiếc chiếu, 01 túi xách, 01 tờ giấy có ghi chữ và số, 02 cây viết mực và tổng số tiền thu giữ là 39.225.000 đồng (đ). Cụ thể: Số tiền trên chiếu bạc là 650.000đ; tiền thu xâu trong túi xách của V là 500.000đ; tiền thu giữ trên người các đối tượng, gồm: Chiều 720.000đ, Dum 1.500.000đ, Năm 500.000đ, Thà 350.000đ, Xa 3.700.000đ, Nhi 2.270.000đ, Giữ 50.000đ, T9 1.100.000đ, Nguyệt 3.055.000đ, Xuyên 8.000.000đ, N6 200.000đ, Vàng 500.000đ. Ngoài ra, còn tiền thu giữ xung quanh nơi đánh bạc, gồm: Trong túi đựng rác nhà vệ sinh của V là 700.000đ; dưới chân tủ ở trong phòng ngủ của V là 10.430.000đ; trong cốp xe của Dum 5.000.000đ.

Đến ngày 11/02/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C xét thấy có dấu hiệu của tội phạm "Đánh bạc và Tổ chức đánh bạc" theo quy định tại điều 321, 322 của Bộ luật hình sự nên bàn giao hồ sơ cùng tang vật cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T tiến hành điều tra theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra chứng minh được:

Vào khoảng thời gian từ 09 giờ đến 11 giờ ngày 10/02/2023, Lê Thị V dùng số điện thoại số 0946.007.532 và tài khoản Zalo của mình liên hệ, rủ rê gồm: Chiều, P, X1, N1, G1, T9, H1, T10, D2, N4 đến nhà của V để đánh bài ăn thua bằng tiền. Riêng T1, N3 và những người khác tự đến. Đến 12 giờ cùng ngày, V bắt đầu tổ chức trái phép cho các con bạc đánh bài ăn thua bằng tiền với nhau. Vàng chuẩn bị địa điểm là căn chòi phía sau nhà, chiếu, bài và thu tiền xâu từ những người thủ cái mỗi lượt từ 50.000đ đến 100.000đ, nhưng không cùng tham gia đánh bạc. Những người tham gia đánh bạc, dùng loại bài tây 52 lá, chơi với hình thức đánh bài "Binh ấn độ 06 lá", bỏ tây. Khi chơi gồm 01 tụ nhà cái (hay còn gọi là tụ thủ cái), 03 tụ đặt cược (hay còn gọi là các tụ tay em) và các tụ tay em này thắng thua bằng tiền trực tiếp với nhà cái. Quy ước mức độ cá cược cao nhất mỗi tụ là 200.000đ, nhỏ nhất không quy ước.

Đến 14 giờ 50 phút cùng ngày, bị Phòng C2 Công an tỉnh C phát hiện bắt quả tang 01 chiếu bạc và thu giữ tang vật nêu trên. Tại thời điểm bắt quả tang chỉ có 01 chiếu bạc gồm 04 tụ có 06 người trực tiếp, cụ thể:

Tụ thứ nhất gồm: Ngô Minh T1 trực tiếp cầm bài chia (là tụ thủ cái). Ké thạnh tụ của T1 là Nguyễn Thị Cẩm X1, khi Công an đến T1 bỏ chạy thoát, sau đó ra đầu thú.

Tụ thứ hai, gồm: Trần Thị P, ké thạnh tụ của P là Trần Văn G1.

Tụ thứ ba: Chỉ có Nguyễn Thị N1, không có người ké thạnh.

Tụ thứ tư: Chỉ có Trần Thị C, không có người ké thạnh.

Ngoài ra, 06 đối tượng Nguyễn Công D2, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị N4, Trần Thị Kim T10, Nguyễn Văn T9, Trần Thị Ánh N3 có tham gia đánh bạc trước đó nhưng đã nghỉ.

Riêng 05 người, gồm: Phan Thị T11, Phan Thị D3, Đặng Mỹ X2, Nguyễn Thị N5, Đỗ Thị N6 có mặt tại hiện trường nhưng không có tham gia đánh bạc.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T xác định số tiền thu xâu, tiền các bị cáo và những đối tượng sử dụng để đánh bạc cụ thể như sau:

Khi bị bắt thu giữ trong túi xách của Lê Thị V đã thu xâu được 500.000đ (Trong đó: Thu xâu của T1 100.000đ, của P 200.000đ, còn 200.000đ không xác định được của ai đưa) và thu giữ trên người của Vàng 500.000đ là tiền tiêu xài cá nhân.

Ngô Minh T1 xác định có mang theo số tiền 1.200.000đ mục đích dùng đánh bạc, công an đến bắt thì T1 quăng bỏ tiền lại hết xuống chiếu bạc, quá trình ăn thua khi không xác định được còn bao nhiêu. Tuy nhiên, trong quá trình đánh bạc, T1 xác định có đưa tiền xâu cho V số tiền 100.000đ.

Trần Thị P xác định mang theo số tiền 11.830.000đ. Trong đó: Tiền của gia đình 10.000.000đ không dùng để đánh bạc, số tiền để sử dụng đánh bạc là 1.830.000đ, đã đánh thua số tiền 1.400.000đ, còn lại 430.000đ. Khi bị bắt thu giữ 10.430.000đ để dưới chân tủ trong phòng ngủ bà V. Trong lúc đánh bạc, P xác định đã đưa tiền xâu cho V là 200.000đ.

Nguyễn Thị N1 mang theo số tiền 1.000.000đ mục đích dùng đánh bạc, đánh thua hết số tiền 200.000đ, lúc Công an đến bỏ xuống chiếu 300.000đ nên khi bị bắt thu giữ trên người số tiền dùng đánh bạc còn lại là 500.000đ.

Trần Thị C mang theo số tiền 820.000đ mục đích dùng đánh bạc, đánh thua hết số tiền 100.000đ, khi bị bắt thu giữ trên người số tiền dùng đánh bạc còn lại là 720.000đ.

Nguyễn Thị Cẩm X1 mang theo số tiền 4.000.000đ mục đích dùng đánh bạc, đánh thua số tiền 300.000đ, khi bị bắt thu giữ trên người số tiền dùng đánh bạc còn lại là 3.700.000đ.

Trần Văn G1 mang theo số tiền 2.100.000đ. Trong đó: 600.000đ của gia đình không dùng đánh bạc, chỉ sử dụng số tiền 1.500.000đ dùng đánh bạc, đã thua số tiền 50.000đ, còn lại 1.450.000đ đã bị thu giữ.

Như vậy, tổng số tiền sử dụng để đánh bạc tại chiếu bạc mà các bị cáo T1, P, N1, C, X1, G1 phải chịu trách nhiệm hình sự là: 7.950.000đ (Trong đó: Số tiền đánh bạc thu giữ trên chiếu bạc là 650.000đ, số tiền dùng đánh bạc thu giữ trên người các bị cáo là 6.800.000đ và tiền xâu 500.000đ).

Đối tượng Nguyễn Văn T9, mang theo số tiền 1.900.000đ, trả cho H1 700.000đ (tiền mượn trước đó), còn lại 1.200.000đ sử dụng vào mục đích đánh bạc, đánh thua hết 100.000đ, không tiếp tục cá cược mà bỏ đi vệ sinh, khi bị bắt thu giữ trên người số tiền 1.100.000đ dùng đánh bạc.

Đối tượng Trần Thị Ánh N3, mang theo số tiền 3.105.000đ, sử dụng số tiền 1.100.000đ dùng đánh bạc, đánh thua 50.000đ, khi bị bắt thu giữ 3.055.000đ, trong đó: 2.005.000đ không dùng đánh bạc, 1.050.000đ là tiền dùng đánh bạc còn lại. Khi bị bắt N3 đã nghỉ tham gia.

Nguyễn Thị H1, mang theo số tiền 500.000đ và được T9 trả 700.000 đồng, H1 sử dụng 1.200.000đ dùng đánh bạc, đánh thua hết tiền, nên ngồi xem, khi bị bắt không thu giữ được số tiền đánh bạc.

Nguyễn Thị N4, mang theo số tiền 300.000đ dùng đánh bạc, đánh thua hết tiền, nên ngồi xem, khi bị bắt không thu giữ được số tiền đánh bạc.

Trần Thị Kim T10, mang theo số tiền 200.000đ dùng đánh bạc, đánh thua hết tiền, nên ngồi xem, khi bị bắt không thu giữ được số tiền đánh bạc.

Đối tượng Nguyễn Công D2, mang theo số tiền 400.000đ dùng đánh bạc, đánh thua hết tiền, nên ngồi xem, khi bị bắt không thu giữ được số tiền đánh bạc.

Tổng số tiền đã căn cứ chứng minh là dùng đánh bạc mà Lê Thị V phải chịu trách nhiệm hình sự là: 10.800.000đ (trong đó gồm: số tiền đánh bạc thu giữ trên chiếu bạc là 650.000đ, tiền xâu 500.000đ, tổng số tiền đánh bạc thu giữ trên người 06 bị cáo là 6.800.000đ, tiền trên người 06 đối tượng có tham gia đánh bạc 2.150.000đ, tiền thu giữ trong túi nilon đựng rác trong nhà vệ sinh của V là 700.000đ).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2024/HS-ST ngày 28/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình đã quyết định:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị V 01 năm tù về tội "Tổ chức đánh bạc";

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị C 06 tháng tù về tội "Đánh bạc";

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt mỗi bị cáo Ngô Minh T1, Trần Thị P, Trần Văn G1 04 tháng tù về tội "Đánh bạc";

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Cẩm X1 04 tháng tù về tội "Đánh bạc";

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N1 03 tháng tù về tội "Đánh bạc".

Ngoài ra, án sơ thẩm còn xử lý tiền thu lợi bất chính, vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 05/4/2024, bị cáo G1 kháng cáo xin được hưởng án treo;

Ngày 09/4/2024, các bị cáo V, P, C, Năm, X1 kháng cáo xin được hưởng án treo;

Ngày 10/4/2024, bị cáo T1 kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau trình bày: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm 10/2024/HS-ST ngày 28/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình về phần hình phạt đối với các bị cáo.

- Lời nói sau cùng của các bị cáo: Thừa nhận hành vi phạm tội và xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, cụ thể: Vào lúc 14 giờ 50 phút, ngày 10/02/2023 tại nhà của Lê Thị V thuộc ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau, V có hành vi tổ chức, rủ rê cùng một lúc cho 12 người thực hiện hành vi cá cược, sát phạt nhau để ăn thua bằng tiền với hình thức chơi bài binh 06 lá để thu lợi từ việc lấy xâu thì bị lực lượng chức năng phát hiện và bắt quả tang. Vàng chuẩn bị căn chòi phía sau nhà của mình và chuẩn bị sẵn các bộ bài loại bài tây 52 lá để cho các đối tượng chơi bài. Vàng không trực tiếp tham gia chơi bài. Tổng số tiền dùng để đánh bài được xác định là 10.800.000đ (gồm số tiền 650.000đ thu giữ trên chiếu bạc, thu giữ trên người các bị cáo (trừ bị cáo V) số tiền dùng đánh bạc 6.800.000đ, thu giữ trên người 06 đối tượng khác có tham gia đánh bạc 2.150.000đ, tiền thu giữ trong túi nilon đựng rác trong nhà vệ sinh của V là 700.000đ và tiền xâu bị cáo V thu 500.000đ). Với các tình tiết này, Tòa án nhân dân huyện Thới Bình đã xét xử bị cáo V về tội "Tổ chức đánh bạc" theo điểm a khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự, xét xử các bị cáo C, T1, P, X1, G1 và N1 về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Đối với các đối tượng tham gia đánh bạc còn lại gồm Nguyễn Văn T9, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị N4, Nguyễn Công D2, Trần Thị Ánh N3, Trần Thị Kim T10 có tham gia đánh bạc, nhưng chưa đủ định lượng bị Trưởng Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính.

[2] Hành vi của bị cáo V thuộc trường hợp nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo C, T1, P, X1, G1 và Năm thuộc trường hợp tội phạm ít nghiêm trọng trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo V tổ chức đánh bạc, các bị cáo còn lại đánh bạc là trái pháp luật, phạm tội thì phải bị xử lý và chịu hình phạt theo pháp luật hình sự. Sau khi xét xử sơ thẩm, tất cả 07 bị cáo đều kháng cáo xin được hưởng án treo.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo:

[3.1] Đối với bị cáo V: Khi xét xử, cấp sơ thẩm đã có xem xét và đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, gồm: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu; Cha ruột là người có công với cách mạng được hưởng chế độ chính sách của nhà nước. Nhân thân bị cáo không tốt do có 03 tiền sự, trong đó có 02 tiền sự cùng về hành vi đánh bạc trái phép và bị xử phạt hành chính (lần xử phạt sau cùng là ngày 12/8/2021), bị cáo đã nộp phạt nên đã được xóa. Cấp sơ thẩm không ghi phần nhân thân của bị cáo để xác định bị cáo có tiền sự là không chính xác. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 01 năm tù là phù hợp. Bị cáo phạm tội lần này thuộc trường hợp nghiêm trọng, bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo là không đủ điều kiện theo quy định nên kháng cáo không được chấp nhận.

[3.2] Đối với bị cáo C: Số tiền bị cáo dùng để đánh bạc là 820.000đ. Khi xét xử, cấp sơ thẩm đã có xem xét và đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, gồm: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có bác, ông nội là người công với cách mạng được tặng huân chương kháng chiến. Bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa nay lại phạm tội nên thuộc trường hợp tái

phạm. Ngoài ra, bị cáo còn có 03 tiền sự cùng về hành vi đánh bạc vào các năm 2016, 2017 và 2018, nộp phạt xong nên đã được xóa. Từ đó, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 06 tháng tù là phù hợp. Bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo nhưng do không đủ điều kiện theo quy định, nên kháng cáo không được chấp nhận.

[3.3] Đối với các bị cáo T1, P, G1: Số tiền bị cáo T1 dùng để đánh bạc là 1.000.000đ, bị cáo P là 1.630.000đ và của bị cáo G1 là 1.500.000đ. Khi xét xử, cấp sơ thẩm đã có xem xét và đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo, gồm: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; gia đình bị cáo P và bị cáo G1 có thân nhân tham gia cách mạng; bị cáo T1 đầu thú. Từ đó, cấp sơ thẩm xử phạt mỗi bị cáo 04 tháng tù là mức hình phạt dưới khung. Các bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ mới, nên kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận.

[3.4] Đối với bị cáo X1: Số tiền bị cáo dùng để đánh bạc là 4.000.000đ, nhiều nhất so với các bị cáo còn lại trong vụ án. Khi xét xử, cấp sơ thẩm đã có xem xét và đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo gồm: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội khi đang mang thai; Cha ruột có công được hưởng chế độ chính sách. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm xác định bị cáo không có tiền án là không chính xác. Bởi vào ngày 04/5/2018, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xử phạt 10 triệu đồng về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999, bị cáo đã nộp phạt và đã được xóa, nên bị cáo có nhân thân không tốt. Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 04 tháng tù là không nghiêm so với nhân thân và hành vi phạm tội của các bị cáo C, T1, P và G1. Tuy nhiên, do không có kháng cáo, kháng nghị tăng hình phạt đối với bị cáo, nên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm. Do đó, kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận.

[3.5] Đối với bị cáo N1: Số tiền bị cáo dùng để đánh bạc là 1.000.000đ. Khi xét xử, cấp sơ thẩm đã có xem xét và đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo gồm: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; cha được tặng huân chương kháng chiến. Từ đó, xử phạt bị cáo 03 tháng tù là mức hình phạt dưới khung. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo nhưng cũng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên kháng cáo không được chấp nhận.

[4] Với các phân tích nêu trên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa được chấp nhận.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận, nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các phần khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo hoặc bị kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ khi hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo Lê Thị V, Trần

Thị C, Ngô Minh T1, Trần Thị P, Trần Văn G1, Nguyễn Thị Cẩm X1 và Nguyễn Thị N1; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2024/HS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình về phần hình phạt.

2. Về trách nhiệm hình sự:

2.1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị V 01 (một) năm tù về tội "Tổ chức đánh bạc". Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2.2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị C 06 (sáu) tháng tù về tội "Đánh bạc". Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2.3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Ngô Minh T1 04 (bốn) tháng tù về tội "Đánh bạc". Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2.4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị P 04 (bốn) tháng tù về tội "Đánh bạc". Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2.5. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn G1 04 (bốn) tháng tù về tội "Đánh bạc". Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2.6. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Cẩm X1 04 (bốn) tháng tù về tội "Đánh bạc". Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2.7. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N1 03 (ba) tháng tù về tội "Đánh bạc". Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2035/UBTVQH14 ngày 30/12/2035 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo V, Chiều, T1, P, G1, X1 và N1 phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng/bị cáo án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Thới Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình;
- Công an huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa HS, án văn, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Trọng Quế